

**HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THỦY SẢN VIỆT NAM**



**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----oO-----

Số: 75/2017/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2017

*V/v Góp ý & kiến nghị các nội dung tại Dự  
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP về ATTP*

- Kính gửi: - Văn phòng Chính phủ**
- Hội đồng Tư vấn CC TTTC của Thủ tướng CP**
  - Bộ Tư pháp**
  - Bộ Y tế**
  - Bộ Nông nghiệp & PTNT**
  - Bộ KH Đầu tư (Viện NC Quản lý Kinh tế TW)**

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các doanh nghiệp hội viên chân thành cảm ơn Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành đã luôn hỗ trợ VASEP và các doanh nghiệp thủy sản thành viên thực hiện tốt các chính sách, quy định pháp luật và đặc biệt trong công tác cải cách, tiếp thu tháo gỡ các vướng mắc, bất cập để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh theo các Nghị quyết 19 & Nghị quyết 35/2016 của Chính phủ nhằm không chỉ duy trì vị trí Top 5 cung cấp thủy sản trên thế giới, đạt kim ngạch XK 7,5-8 tỷ USD trong năm 2017 mà còn gia tăng công ăn-việc làm cho gần 5 triệu lao động, nông-n ngư dân trên toàn quốc.

Trong suốt 2 năm qua, từ năm 2015-2017, nội dung quy định pháp luật mà các DN thành viên chúng tôi gặp vướng mắc nhiều nhất chính là **Nghị định số 38/2012/NĐ-CP** ngày 25/4/2012 (sau đây gọi tắt là Nghị định 38) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP. Sau hơn một năm kiến nghị với nhiều văn bản gửi tới Bộ Y tế, Chính phủ đã tháo gỡ được một phần vướng mắc cho cộng đồng DN tại Nghị quyết số 103-2016/NQ-CP ngày 5/12/2016 v/v miễn kiểm tra ATTP, công bố hợp quy & công bố phù hợp quy định ATTP đối với nguyên-phụ liệu, phụ gia, gia vị, bao bì... nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu. Ngoài ra, Nghị quyết 103-2016/NQ-CP cũng đã mở ra cơ hội và hy vọng cho toàn ngành thực phẩm: đó là trong Quý I/2017, Bộ Y tế phải chủ trì sửa đổi Nghị định 38/2012.

Tuy nhiên, tại Nghị định 38 vẫn còn đó những nội dung vướng mắc, chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, gây ra nhiều khó khăn, bất cập cho các DN trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là thủ tục cấp Giấy Tiếp nhận công bố hợp quy và Giấy Xác nhận Phù hợp quy định ATTP, trong đó có những quy định trái với Luật ATTP và Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn Kỹ thuật (TC & QCKT). Vì vậy, với tư cách là một thành viên của Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính của Thủ tướng Chính phủ cũng như là thành viên được Bộ Tư Pháp mời tham gia họp tư vấn-thẩm định cho dự thảo số 7 sửa đổi, bổ sung Nghị định 38 vào chiều ngày **9/6/2017**, Hiệp hội VASEP xin **góp ý và kiến nghị** như sau.

Dù VASEP và nhiều bên liên quan đã có các văn bản báo cáo, góp ý, kiến nghị sửa đổi các vướng mắc, bất cập. Tuy nhiên, tại Dự thảo sửa đổi (phiên bản số 7, thẩm định ngày 9/6/2017) đã không giải quyết được các vấn đề cần tháo gỡ và đã được nêu trong các **NQ 19/NQ-CP** (mới thực hiện NQ 103/2016/NQ-CP) cũng như những vướng mắc ở thực tiễn

đang ngăn cản quá trình cải cách và khả năng cạnh tranh của DN. Và như vậy, Dự thảo vẫn còn đó:

- Quy định «xác nhận phù hợp ATTP» trái luật ATTP. Chính vì có quy định này mà Bộ Y tế nói riêng, các Bộ có chức năng về quản lý ATTP nói chung không chịu xây dựng các QCVN cần thiết, cứ để cho phần lớn các sản phẩm thực phẩm được quản lý bằng quy định này. Vì không có chuẩn (QCVN) nên thủ tục không minh bạch, hoàn toàn tùy thuộc vào sự giải thích của VFA, gây vô vàn khó khăn cho DN.
- Hình thức «tiếp nhận bản công bố hợp quy» của DN đã & đang biến thành một quá trình Tiếp nhận – Thẩm xét hồ sơ & cấp Giấy như hiện tại - một hình thức của «giấy phép con».
- Trong thủ tục công bố sản phẩm, một công việc mất nhiều chi phí và thời gian là kiểm nghiệm. Theo dự thảo ND thì, dù là tự công bố, DN vẫn phải tiến hành kiểm nghiệm và phải kiểm nghiệm tại phòng kiểm nghiệm được BYT/Bộ QLCN chỉ định. Tức là, về cơ bản, chẳng khác gì việc công bố trên cơ sở chứng nhận hợp quy.
- Tác động trực tiếp đến sự bê trễ chậm xây dựng & hoàn thành các quy chuẩn kỹ thuật
- Chưa giải quyết được vấn đề một số sản phẩm vẫn có sự đăng ký/kiểm tra của 2 Bộ quản lý chuyên ngành;
- Tiếp cận chung là vẫn kiểm tra từng lô hàng NK: Theo đó, từng lô hàng NK lại phải kiểm tra, trong đó, đối với sản phẩm động vật hoặc có chứa sản phẩm động vật còn chịu 2 loại kiểm tra là kiểm dịch thú y (Bộ NNPTNT quản lý) và kiểm tra ATTP. Quy định này quá phức tạp, gây tốn kém không cần thiết cho DN.

Chúng tôi tha thiết kiến nghị các nội dung được sửa đổi trong Nghị định sửa đổi 1 số điều của Nghị định 38/2012/ND-CP như sau:

## **I. THỦ TỤC XÁC NHẬN CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH ATTP:**

### **I. 1. Kiến nghị:**

**Bãi bỏ** quy định cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP và chuyển sang hình thức chứng nhận hợp chuẩn theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật tại các tổ chức được chỉ định bởi các cơ quan có thẩm quyền (*đã có 37 tổ chức được chỉ định trên cả nước: Bộ Y tế: 13 tổ chức; Nông nghiệp và PTNT: 24 tổ chức*) do hình thức *Công bố phù hợp quy định ATTP* không có quy định trong Luật ATTP và thực hiện thời gian 4 năm qua cho thấy sự bất cập, vướng mắc như tính chất của một “*Giấy phép con*”.

### **I.2. Lý do:**

**I.2.1. Về mặt quy định pháp luật của Việt Nam:** Thủ tục Xác nhận Công bố phù hợp quy định ATTP là trái các Luật hiện hành cũng như một số Nghị quyết trong thời gian qua:

**a. Luật ATTP:** Không có trong Luật ATTP.

Tại Điều 12, Luật ATTP chỉ quy định phương thức đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm chế biến bao gói sẵn, **không quy định** phương thức “công bố phù hợp với quy định ATTP”.

**b. Luật Quy chuẩn và Tiêu chuẩn Kỹ thuật**

Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn kỹ thuật 2006 đã quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước liên quan phải xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm thuộc lĩnh

vực quản lý. Nghị định 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật ATTP đã thực hiện 4 năm qua, với quy định (*tại Điều 3 & 4, NĐ 38/2012*) việc các tổ chức, cá nhân phải thực hiện công bố phù hợp ATTP với những sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đến khi có quy chuẩn tương ứng. Đó là sự hiểu sai Luật TC & QCKT, vì Luật TC & QCKT quy định với những sản phẩm không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở và có chứng nhận hợp chuẩn để quản lý chất lượng. Quy định này của Nghị định 38/2012 đã tạo gánh nặng cho xã hội bao gồm cả các cơ quan nhà nước quản lý về ATTP và các DN, tổ chức, cá nhân.

**c. Theo Nghị quyết 19/2017/NQ-CP của Chính phủ:**

Trong Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ, Chính phủ đã chỉ đạo tại khoản d), mục 1), phần III) “rà soát, sửa đổi các quy định về tiếp nhận công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục; không yêu cầu xác nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn quốc gia”.

**d. Theo báo cáo số 37/BC-CP ngày 3/2/2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt Báo cáo số 37/BC-CP):**

Trong Báo cáo số 37/BC-CP về tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 – 2016 do Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thị Kim Tiến, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ đã ký, tại Phụ lục về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ATTP, Khoản 2 Mục II về Luật ATTP đã khẳng định:

*“Về công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP không phù hợp với thông lệ quốc tế, ít hiệu quả trong triển khai trong thực tiễn. Đây là biện pháp quản lý theo phương thức “tiền kiểm” thực chất ít hiệu quả, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp, cần chuyển sang áp dụng phương thức quản lý “hậu kiểm” (kiểm tra, thanh tra theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn do cơ sở công bố áp dụng) nhằm tạo điều kiện thuận lợi về môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp;”*

Đồng thời cũng khẳng định “*Biện pháp quản lý nêu trên không còn được sử dụng trong quản lý ATTP của các quốc gia trên thế giới*”;

Và chính trong văn bản này, Chính phủ đã kiến nghị “**Đề nghị bỏ** một số điều khoản trong Luật ATTP: Khoản 3 Điều 12 quy định “*Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường*”; Khoản 1 Điều 18 quy định “*Đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường*” đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; Điểm a, Khoản 1 Điều 38 quy định “*Phải được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi nhập khẩu*” đối với thực phẩm nhập khẩu.

Tại Khoản 6 Mục III về Nghị định 38 cũng khẳng định “*Công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (nội dung chưa được quy định trong Luật)*” là một trong số “*các nội dung còn bất cập trong thực tiễn triển khai*” và cũng khẳng định là sẽ sửa các bất cập này.

**e) Theo chính Nghị định 38/2012:** Bản thân ngay tại Nghị định 38 (Phụ lục 1: MẪU GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY) cũng đã xác định rõ Giấy tiếp nhận Công bố hợp quy cũng chỉ là Bản Cam kết của DN, không có giá trị chứng nhận:

*"Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của DN, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng"*

Do đó, thủ tục cấp Giấy xác nhận công bố hợp quy phải được quy định & thực hiện đúng với thủ tục dưới hình thức Đăng ký cho một cam kết của DN, không phải là Thủ tục Tiếp nhận – Thẩm xét & cấp Giấy như hiện tại.

- f) Ngày 13/5/2017, tại Hội nghị đối thoại giữa VASEP và một số Bộ ngành, trong đó có lãnh đạo Bộ Y tế, do Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam chủ trì v/v đối thoại, giải quyết các vướng mắc, khó khăn của các DNTS, Thứ trưởng Bộ Y tế Trương Quốc Cường đã thống nhất quan điểm sẽ bỏ yêu cầu công bố phù hợp với quy định ATTP tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 38/2012/NĐ-CP (Link: <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/TOAN-CANH-Pho-Thu-tuong-du-doi-thoai-giua-cac-bo-nganh-voi-DN/305844.vgp>)
- g) Ngày 17/5/2017, tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với DN năm 2017 với chủ đề "Đồng hành cùng DN", Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng đã khẳng định năm 2017 là năm giảm chi phí cho các DN. Trong khi đó, với việc tiếp tục giữ yêu cầu công bố phù hợp quy định ATTP, Nghị định mới sẽ vẫn gia tăng thêm gánh nặng thủ tục Hành chính và chi phí cho DN, đi trái với chủ trương của Chính phủ.

### **I.2.2. Về mặt thông lệ quốc tế:** Thủ tục này không phù hợp với thông lệ quốc tế:

- Quản lý ATTP của đa số các nước không có phương thức tương tự (công bố). Họ chỉ thực hiện công tác quản lý nhà nước dựa trên 2 hoạt động chính: kiểm tra điều kiện sản xuất và kiểm soát rủi ro (*nghi nhiễm chất nào/vi sinh vật nào thì kiểm tra và giám sát chất đó/vi sinh vật đó; hay kiểm tra khi có nghi vấn về chất lượng*) theo từng loại sản phẩm, vùng, miền, thời gian cụ thể theo quy định của pháp luật.
- Xu hướng trong quản lý ATTP của thế giới hiện nay là tập trung hướng đến kiểm soát quá trình là chính. Việc kiểm tra thành phẩm cuối cùng là hoạt động tự giám sát chất lượng của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước chỉ tiến hành kiểm soát rủi ro, không phải cào bằng để kiểm tra tất cả các loại thực phẩm trên tất cả các chỉ tiêu, không tính đến kiểm soát rủi ro như việc cấp giấy xác nhận phù hợp quy định ATTP ở Việt Nam hiện nay.
- Các mặt hàng thủy sản đã & đang xuất khẩu sang hơn 160 thị trường trên thế giới, và chưa có quốc gia nào yêu cầu làm thủ tục công bố hợp quy như quy định tại ND 38/2012.

### **I.2.3. Về thực tiễn thực hiện tại Việt Nam:**

#### **a. Thủ tục này tạo rào cản lớn cho sản xuất kinh doanh:**

- Thủ tục cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp với quy định ATTP đã có quy trình và cách thức như là một giấy phép con tạo ra rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.
  - *Tốn kém thời gian:* ND 38 quy định thời gian trả lời là 15 ngày làm việc với thực phẩm thường; và 30 ngày làm việc (=1,5 tháng) với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng kể từ khi nộp đủ hồ sơ, nhưng thực tế sau những thời hạn quy định trên DN thường nhận được công văn yêu cầu bổ sung, và thường nhận nhiều lần, mỗi lần bổ sung thời gian thẩm xét lại tính lại từ đầu. Với 3 lần công văn bổ sung là đã mất khoảng 2-4 tháng. Cộng thêm thời gian kiểm nghiệm khoảng 1 tháng (vì sản phẩm phải được kiểm

nghiệm đạt chất lượng thì mới có phiếu kiểm nghiệm để nộp) là mất tới 3-5 tháng để được cấp giấy phép, làm mất nhiều cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp.

- *Phức tạp, rất khó cho doanh nghiệp tự làm nếu không thuê qua dịch vụ tư:* Do không có các tiêu chí thẩm xét rõ ràng, các cán bộ thẩm xét tùy hứng bắt các DN bổ sung thêm đủ loại giấy tờ không có trong quy định, sửa đổi tiêu chuẩn theo quan điểm cá nhân khiến DN không biết đường nào mà lần nếu không thuê dịch vụ tư, trừ một số DN lớn và DN nước ngoài có đội ngũ nhân viên chuyên đăng ký.
- Một sản phẩm sản xuất trong nước có bao nhiêu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì thì phải công từng đó giấy phép công bố, có thể lên tới hàng chục giấy phép con, vì không chỉ phải xin giấy phép cho sản phẩm, mà còn phải xin cho tất cả các nguyên liệu, mặc dù chúng chỉ sử dụng cho sản xuất nội bộ của doanh nghiệp. Ngay khi có thay đổi nhỏ của nguyên liệu cũng phải xin cấp phép nhập khẩu lại.
- Không chỉ mất thời gian khi đăng ký lưu hành, cứ sau mỗi 3-5 năm lại phải xin xác nhận công bố lại, kể cả sản phẩm không có gì thay đổi và luôn luôn đạt chất lượng tốt. Khi xin xác nhận công bố lại, doanh nghiệp lại bị “hành” y như lần đầu, phải sửa tiêu chuẩn, mẫu mã, tùy hứng của cán bộ thẩm xét.

#### ***b.Thủ tục này không giúp cải thiện ATTP:***

- Trong 5 năm qua, dù ngành Y tế đã triển khai việc công bố phù hợp với quy định ATTP nhưng các vụ việc về mất ATTP vẫn luôn là những vấn đề ”nóng” của xã hội chứ không giảm bớt chứng tỏ hoạt động này là không hiệu quả để đảm bảo ATTP cho xã hội, trong khi lại gây thêm tổn kém thời gian và nguồn lực của xã hội và DN.
- Thực tế, thủ tục này không có ích lợi đáng kể gì trong việc cải thiện ATTP (vì ngay trong giấy Xác nhận công bố, cơ quan cấp phép khẳng định không chịu trách nhiệm gì về chất lượng sản phẩm: doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm). Đối với các thực phẩm do các DN đã áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng tiên tiến như HACCP, GMP, ISO (kiểm soát chất lượng trong cả quá trình) và thực phẩm nhập khẩu (vì được kiểm tra chất lượng nhà nước khi nhập khẩu), thủ tục này hầu như hoàn toàn không có ý nghĩa.
- Theo số liệu nêu tại Báo cáo số 37/BC-CP của Chính phủ: Tỷ lệ ngộ độc thực phẩm năm 2016 có tới **97,8% là do thức ăn** trong bữa ăn hàng ngày (tại nhà, nhà hàng/khách sạn, đám cưới-lễ hội, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố), chỉ có **2,2% là do nguyên nhân khác** (thực phẩm bao gói sẵn nằm trong nhóm này). Như vậy, nguy cơ ATTP do thực phẩm chế biến bao gói sẵn (là đối tượng của công bố hợp quy và công bố phù hợp ATTP) chỉ chiếm một phần rất nhỏ. Và vì vậy, ý kiến cho rằng nếu bỏ thủ tục này sẽ dẫn đến nguy cơ mất ATTP là chưa xác đáng và chưa có cơ sở. Hơn nữa, ngộ độc thực phẩm do các nguyên nhân khác ngoài bữa ăn hàng ngày năm 2011 (trước khi có ND 38) chỉ là **1,3%**, đến năm 2016 tăng lên **đến 2,2%**, điều đó chứng tỏ các thủ tục xác nhận công bố phù hợp ATTP là có rất ít tác dụng (hoặc không có) đối với việc cải thiện ATTP.

**I.2.5. Việc thay thế thủ tục Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP bằng hình thức chứng nhận Hợp chuẩn** bởi các Tổ chức được chỉ định thể hiện rõ ưu điểm về sự đơn giản và hiệu quả hơn trong thực hiện, đồng thời phù hợp với các luật lệ hiện hành và thông lệ quốc tế, thúc đẩy SX, kinh doanh của DN.

## II. VỀ THỦ TỤC TIẾP NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY:

### II.1. Kiến nghị:

- 1) Trong khi chưa sửa được Luật ATTP, dựa trên quan điểm quản lý rủi ro trong NQ 19/2017, đề nghị: **Bỏ (không cần)** thực hiện công bố hợp quy với các sản phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn đối với tất cả những nước mà hiện tại Việt Nam đã ký kết FTA và/hoặc đã có những sự công nhận các giấy Chứng nhận (*Kiểm Dịch Thực Vật (Phyosanitary Certificate) hoặc Chứng thư ATTP (Health Certificate)*). Ít nhất, chúng ta nên áp dụng cho các nước có mức độ ATTP rất cao như EU, Mỹ, Úc, New Zealand, Canada và Nhật bản.

Với cách thức này, DN hay nhà NK sẽ có trách nhiệm thông báo đến Cơ Quan nhà nước liên quan và nộp các chứng từ nhập khẩu kèm theo, ghi nhãn phụ hàng hóa để nhận dạng sản phẩm và tự chịu trách nhiệm về nội dung ghi nhãn. Đây là cách mà các nước EU đang quản lý tương tự cho hàng thực phẩm nhập khẩu từ Việt Nam.

- 2) **Đơn giản hóa** thủ tục xét cấp giấy tiếp nhận hợp quy cho đúng với Luật QC&TCKT:
  - Đây bản chất chỉ là thủ tục thông báo tiếp nhận công bố chứ không phải là thủ tục đăng ký như việc thực hiện thời gian qua (*Hiện tại, các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công bố hợp quy thuộc ngành khác như Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Xây dựng,... đều đang thực hiện hình thức này, và làm rất đơn giản, nhanh chóng chứ không phức tạp và khó khăn như Bộ Y tế*).
  - Hồ sơ phải theo đúng Luật QC&TCKT về các mục, biểu mẫu, phải bãi bỏ các yêu cầu ngoài Luật.
  - **Kiến nghị:** Thời gian cấp Thông báo tiếp nhận công bố tối đa **3 ngày làm việc**.
- 3) Quy định rõ: “trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và cơ sở pháp lý của lý do đó” để tránh cán bộ những nhiều doanh nghiệp khi đưa ra những yêu cầu bổ sung vô lý.
  - Quy định rõ biện pháp xử lý với các cán bộ cố tình đưa ra các yêu cầu ngoài luật (vì các hành vi này bị nghiêm cấm theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP).
  - Giới hạn số công văn yêu cầu bổ sung là 1, để doanh nghiệp chỉ phải bổ sung 1 lần.
- 4) Đơn giản hóa thủ tục xin cấp phép nhập khẩu/đăng ký hợp quy các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì nhập khẩu dùng cho sản xuất nội bộ của doanh nghiệp, không bán ra thị trường như sau:

Không phải công bố hợp quy/chứng nhận hợp chuẩn với các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì nhập khẩu dùng cho sản xuất nội bộ của doanh nghiệp, không bán ra thị trường. Thủ tục xin cấp phép nhập khẩu chỉ cần:

- Tên nguyên liệu kèm mã số quốc tế (nếu có)
- Tên, địa chỉ nhà cung cấp
- Tiêu chuẩn nguyên liệu (của nhà sản xuất)
- Cam kết của doanh nghiệp chỉ sử dụng nội bộ cơ sở sản xuất, chịu trách nhiệm về chất lượng và đáp ứng các quy định về ATTP.

### II.2. Lý do:

**II.2.1. Về mặt quy định pháp luật của Việt Nam:** Thủ tục này là trái Luật TC&QCKT:

Trong Luật TC&QCKT, việc cấp giấy tiếp nhận hợp quy chỉ là thủ tục tiếp nhận kết quả đánh giá sản phẩm đã được kiểm nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng. Tuy nhiên, trong Nghị định 38, kết quả đánh giá sản phẩm đã đạt quy chuẩn chất lượng chỉ được coi là 1 đầu mục trong hồ sơ. Doanh nghiệp phải chịu rất nhiều các thẩm xét hành chính khác mà không rõ tiêu chí và cơ sở pháp lý, ví dụ:

- Hồ sơ tiếp nhận hợp quy (bên thứ nhất) trong ND 38 gồm 8 mục trong khi Luật QC&TCKT chỉ gồm 6 mục. Thực tế thẩm xét ngoài 8 mục trên, Cục ATTP còn yêu cầu thêm rất nhiều giấy tờ khác, ví dụ Hợp đồng in nhãn tiếng Việt, mẫu nhãn, mẫu sản phẩm, giấy phép lưu hành tự do (với sản phẩm nhập khẩu), bản gốc của chứng chỉ VILAS, hợp đồng với nhà phân phối... khiến các doanh nghiệp rất khó khăn vì không biết hồ sơ thế nào là đủ và nhiều khi không thể thực hiện được.
- Biểu mẫu trong ND 38 (Bản thông tin chi tiết về sản phẩm) cũng khác và thêm rất nhiều yêu cầu không có trong Luật QC&TCKT (Bản mô tả sản phẩm).
- Luật TC & QCKT quy định nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy tiếp nhận, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan quản lý thông báo các nội dung chưa phù hợp để DN bổ sung. Trong khi đó, Nghị định 38 lại yêu cầu DN nộp đầy đủ các hồ sơ rồi mới thẩm xét, đưa yêu cầu bổ sung nhiều lần và các yêu cầu bổ sung này thường đều không có trong quy chuẩn (mỗi lần bổ sung lại tính lại thời gian từ đầu) rồi mới được cấp giấy tiếp nhận (thực chất là Giấy phép con: Giấy đăng ký).

**II.2.2. Về thông lệ quốc tế:** Thủ tục này không phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc chứng nhận hợp quy ở các nước tiên tiến (EU, Mỹ, Nhật, Singapore, ...) là do các tổ chức giám định độc lập thực hiện, không có thủ tục cấp giấy tiếp nhận hợp quy.

**II.2.3. Về thực hiện trong thực tiễn tại Việt Nam:** Thủ tục này đang tạo rào cản lớn cho sản xuất kinh doanh:

- Không những ảnh hưởng đối với các nhà nhập khẩu vào Việt Nam, các nhà sản xuất trong nước muốn xuất khẩu cũng sẽ gặp khó khăn nếu Việt Nam không đồng cách làm của các nước khác mà Việt Nam là thành viên FTA. Bản thân các nhà sản xuất Việt Nam đã có rất nhiều tương phản với các nước khác, luôn luôn phải cố gắng để đạt được tiêu chuẩn quốc tế để xuất khẩu. Luật Việt Nam lại tạo ra quá nhiều rào cản, qui định tương phản với các nước khác tiên tiến trên thế giới, nhà sản xuất mất nhiều thời gian, chi phí và gặp khó khăn nhiều hơn khi vừa phải đảm bảo luật trong nước vừa phải cạnh tranh trên thương trường quốc tế. Điều này đang dễ dẫn đến việc phát hủy cả một giai đoạn phát triển của nền Nông nghiệp Việt Nam.
- Giống thủ tục cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp với quy định ATTP, thủ tục cấp Giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy trong ND 38 đã bị biến tướng, không còn là thủ tục tiếp nhận nữa, mà trở thành thủ tục đăng ký, chính là một "*Giấy phép con*" tạo ra rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp
  - *Tốn kém thời gian:* Thời gian trả lời doanh nghiệp kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định trong ND 38 là 7 ngày làm việc, nhưng thực tế từ 2 năm trở lại đây, nhiều sản phẩm thời gian để được cấp giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy mất 3 tháng hoặc lâu hơn nữa kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ, và phải trải qua nhiều lần bổ sung hồ sơ, mỗi lần thường yêu cầu lại khác nhau. Sơ đồ quy trình rất phức tạp trong Thủ tục xin Giấy phép công bố Hợp quy, phù hợp với quy định ATTP với nhiều là DN phải nhận công

vấn yêu cầu bổ sung (mỗi công văn lại yêu cầu những vấn đề khác nhau chứ không tổng hợp lại thành 1 công văn).

*Ví dụ về thực tế nộp hồ sơ tại địa phương:* thực tế tại một DN đã từng đăng ký 1 bộ hồ sơ (hồ sơ giấy) tại Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh với thời gian như sau:

- Ngày nhận hồ sơ: 11/01/2017 - ngày hẹn trả hồ sơ: 07/02/2017
- Ngày 07/02/2017: DN nhận được văn bản Thông báo hồ sơ không đạt ký vào ngày 03/02/2017 (DN có hỏi vì sao không báo khi hồ sơ không đạt nhưng Phòng tiếp nhận hồ sơ trả lời là họ mới chỉ nhận văn bản nên không báo trước cho DN được).
- Ngày nộp lại hồ sơ: 08/02/2017 - Ngày hẹn trả hồ sơ: 28/02/2017.
- Ngày 14/02/2017: DN có hỏi về bộ hồ sơ nhưng nhân viên thụ lý hồ sơ trả lời là chưa xem.

Như vậy, nếu tính từ ngày nộp lần đầu đến ngày hẹn trả hồ sơ lần 2 mất khoảng 1 tháng rưỡi (45 ngày) nhưng DN vẫn chưa biết kết quả là có được cấp Giấy Xác nhận hay không. Trong các điểm cần điều chỉnh, bổ sung hồ sơ có những nội dung DN làm giống như các bộ hồ sơ trước đã được duyệt nhưng bộ hồ sơ sau nhân viên khác kiểm tra hồ sơ thì lại đưa ra lỗi khác yêu cầu DN phải hoàn thiện.

#### ***Các ví dụ về nộp hồ sơ online tại Cục An toàn Thực phẩm:***

*Ví dụ 1:* Xin giấy tiếp nhận hợp quy mất 4 tháng 4 ngày thay vì 7 ngày làm việc như quy định của Luật TC & QCKT mặc dù sản phẩm đã có phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng theo quy chuẩn khi nộp hồ sơ.

*Ví dụ 2:* Xin giấy tiếp nhận hợp quy mất 4 tháng 2 ngày thay vì 7 ngày làm việc như quy định của Luật TC & QCKT mặc dù sản phẩm đã có phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng theo quy chuẩn khi nộp hồ sơ.

*Chi tiết của các ví dụ này xin xem tại Phụ lục gắn kèm.*

- Các tiêu chí để thẩm xét cũng không rõ ràng, không có căn cứ pháp lý, thậm chí vô lý, khiến việc hiểu và đáp ứng được yêu cầu của cơ quan thẩm xét rất khó khăn (chi tiết xin xem tại Phụ lục III gắn kèm). Cộng thêm thời gian kiểm nghiệm và xin chứng nhận hợp quy khoảng 2 tháng (vì sản phẩm phải được kiểm nghiệm và chứng nhận hợp quy, tức đạt chất lượng theo quy chuẩn, thì mới có hồ sơ để xin tiếp nhận chứng nhận hợp quy).
  - ➔ *thời gian để kiểm nghiệm và chứng nhận hợp quy + thời gian để cấp giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy của nhiều sản phẩm mất tới 4-5 tháng.* Do vậy, nhiều khi các đối tác không thể chờ đợi nên đã chuyển sang mua hàng của nhà cung cấp khác, làm DN mất khách hàng, mất cơ hội kinh doanh, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.
- Phức tạp, rất khó cho doanh nghiệp tự làm nếu không thuê qua dịch vụ tư:
  - Một sản phẩm sản xuất trong nước có bao nhiêu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì thì phải công từng đó giấy phép công bố, có thể lên tới **hàng chục giấy phép con**. Ngay khi có thay đổi nhỏ của nguyên liệu cũng phải xin cấp phép nhập khẩu lại.
  - Không chỉ mất thời gian khi đăng ký lưu hành, cứ sau mỗi 3-5 năm lại phải xin giấy tiếp nhận hợp quy lại, kể cả sản phẩm không có gì thay đổi và luôn luôn đạt chất lượng tốt.



Khi xin giấy tiếp nhận hợp quy lại, doanh nghiệp lại bị hành y như lần đầu, phải sửa theo tùy hứng của cán bộ thẩm xét.

**II.2.4. Thủ tục này không giúp cải thiện ATTP:** Lý do tương tự như đã nêu tại phần I.2.3.b. về thủ tục xác nhận công bố phù hợp ATTP.

**II.2.5. Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ gần đây đều yêu cầu đơn giản hóa thủ tục này:** Lý do tương tự như nêu trong phần I.2.1. về Thủ tục xác nhận công bố phù hợp ATTP.

### **III. TRƯỜNG HỢP SẢN PHẨM CHỈ CÓ THAY ĐỔI NHỎ TRONG QUÁ TRÌNH LƯU HÀNH:**

#### **III.1. Kiến nghị:**

Đề nghị sửa đổi Khoản 5 Điều 1 của Dự thảo bổ sung thêm Khoản 5a cho Điều 8 của Nghị định 38/2012, cụ thể như sau:

*“Trường hợp chỉ thay đổi các nội dung trong Bản thông tin chi tiết về sản phẩm đối với hình thức nhãn, quy cách, chất liệu bao gói, hạn dùng, chỉ tiêu chỉ điểm chất lượng, nội dung ghi nhãn không bắt buộc, địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân hay nơi sản xuất, tên tổ chức, cá nhân (trong trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), thay đổi nhà nhập khẩu hoặc thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm (đã được sự đồng ý của cơ sở sản xuất) thì tổ chức, cá nhân được phép nộp công văn đề nghị bổ sung kèm theo xác nhận về các nội dung đã thay đổi, bổ sung của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm để được tiếp tục sử dụng số Giấy tiếp nhận hoặc Giấy xác nhận đã được cấp hay cấp lại. Sau 7 (bảy) ngày làm việc, nếu cơ quan tiếp nhận không có ý kiến bằng văn bản thì tổ chức, cá nhân được phép thay đổi”.*

#### **III.2. Lý do:**

- Trong thực tiễn sản xuất-kinh doanh, các doanh nghiệp thường xuyên phải có những thay đổi nhỏ cho sản phẩm mà không ảnh hưởng đến chất lượng như hạn dùng, chất liệu bao gói, hay thay đổi nhà nhập khẩu hoặc thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm (đã được sự đồng ý của cơ sở sản xuất)... nhưng vẫn phải công bố lại, rất mất thời gian và tốn kém, trở ngại rất lớn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không giúp cải thiện ATTP.
- Thông tư 19/2012-TT/BYT (sau đây gọi tắt là Thông tư 19) đã cho một số thay đổi nhỏ được phép xin bổ sung, nhưng vẫn còn những thay đổi nhỏ chưa được cho phép.
- Khoản 5a, điều 8 trong dự thảo Nghị định 38 sửa đổi chỉ cho phép thay đổi quy cách bao gói, chưa cho các thay đổi nhỏ khác

### **IV. VIỆC YÊU CẦU DOANH NGHIỆP TỰ GỬI MẪU KIỂM NGHIỆM ĐỊNH KỲ**

#### **IV.1. Kiến nghị:**

**Bãi bỏ** yêu cầu DN phải tự gửi mẫu đi kiểm nghiệm định kỳ, và sửa đổi như sau:

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đã công bố, và có kế hoạch kiểm soát chất lượng phù hợp.

- Các sản phẩm nhập khẩu đã có phiếu kiểm nghiệm của nhà sản xuất và kiểm tra nhà nước tại Việt Nam cho các lô hàng nhập khẩu được phép dùng các kết quả này trong kế hoạch kiểm soát chất lượng.

#### IV.2. Lý do:

Nghị định 38 (Điều 8: điểm c, khoản 3), Thông tư 19 (điều 13, khoản 1) yêu cầu doanh nghiệp phải gửi mẫu đi kiểm nghiệm định kỳ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền 2 lần/năm, đối với cơ sở có chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO 22000) là 1 lần/năm, kể cả các mặt hàng nhập khẩu đã được kiểm tra nhà nước khi nhập khẩu (Giấy Xác nhận đạt chất lượng nhập khẩu thường không thay thế được Giấy Kiểm nghiệm định kỳ)

##### a. Về mặt quy định pháp luật của Việt Nam:

Yêu cầu này **trái** với Luật QC&TKT. Quy định trách nhiệm kiểm tra, thanh tra về hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật là của các cơ quan quản lý. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đã công bố. Tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm tự gửi mẫu đi kiểm nghiệm, mà trách nhiệm này phải thuộc về cơ quan quản lý nhà nước

##### b. Về thông lệ quốc tế: Yêu cầu này trái với thông lệ quốc tế.

Không nước nào yêu cầu doanh nghiệp tự gửi mẫu định kỳ, mà chỉ có yêu cầu các doanh nghiệp tự xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO22000).

##### c. Về mặt thực thi:

**i) Gây tổn kém cho DN nhưng không thay thế được hậu kiểm và không đảm bảo tính khách quan:** Quy định này gây ra rất nhiều tổn kém cho doanh nghiệp, mà không cải thiện được ATTP và không thay thế được việc hậu kiểm của nhà nước, vì chỉ là doanh nghiệp tự kiểm nghiệm. Như vậy, doanh nghiệp vừa phải tự kiểm nghiệm sản phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm cho từng lô sản phẩm trước khi xuất xưởng, đồng thời 6 tháng một lần phải gửi mẫu tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kiểm nghiệm định kỳ. Kết quả này lại không thay được cho hậu kiểm, vì đây là doanh nghiệp tự gửi, nên không đảm bảo tính khách quan.

**ii) Kiểm chồng lên kiểm, phí chồng phí:** Với thực phẩm nhập khẩu, còn phải chịu thêm kiểm tra nhà nước cho các lô hàng nhập khẩu. Như vậy, *một sản phẩm phải chịu 3 lần kiểm nghiệm (1 lần của cơ sở, 2 lần của nhà nước) mới tới tay người tiêu dùng*, gây tổn kém vô cùng cho doanh nghiệp.

- Không những thế, chỉ cần kết quả kiểm nghiệm định kỳ sai lệch vài ngày (ví dụ 6 tháng 10 ngày so với lần kiểm nghiệm định kỳ trước), cũng đã bị thanh tra bắt bẻ, đòi xử phạt.
- Chưa có ngành nào, kể cả dược phẩm, mỹ phẩm, trong cùng phạm vi quản lý của Bộ Y tế, mà doanh nghiệp phải tự gửi mẫu đi kiểm nghiệm như ngành thực phẩm.

## V. NỘI DUNG HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ CÁC GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ:

**V.1. Kiến nghị:** Đề nghị bãi bỏ quy định này.

**V.2. Lý do:**

Theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP và TT 19/2012/TT-BYT, nhiều chứng từ quy định trong Nghị định còn yêu cầu công chứng bản sao hoặc hợp pháp hóa lãnh sự đối với các chứng chỉ chứng nhận được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài, hoặc phiếu kiểm nghiệm được công nhận bởi tổ chức trên thế giới mà các tổ chức này đã có quyết định thừa nhận lẫn nhau và Việt Nam là thành viên của tổ chức đó. Điều này quá mức cần thiết gây kém hiệu quả và gây lãng phí cho DN và NN, kéo dài thời gian công bố, đồng thời cũng trái với Hiệp Định Thương Mại Việt Nam đã ký kết (TF/WTO, EVFTA, TPP).

## VI. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐK ATTP

**VI.1. Kiến nghị:**

Bổ sung thêm mục e) tại Mục 9 Điều 1 của Dự thảo sửa đổi Khoản 1 Điều 12 của Nghị định 38: *Cơ sở trung gian thương mại, kinh doanh thực phẩm nhưng không thực hiện bất kỳ hoạt động liên quan đến sản xuất, bảo quản, vận chuyển, bày bán thực phẩm.*”:

**VI.2. Lý do:**

Một điều bất hợp lý trong Nghị định 38 là các cơ sở *trung gian thương mại, kinh doanh thực phẩm nhưng không thực hiện bất kỳ hoạt động liên quan đến sản xuất, bảo quản, vận chuyển, bày bán thực phẩm* mặc dù không có địa điểm sản xuất, kinh doanh, không trực tiếp thực hiện bất kỳ hoạt động nào liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhưng cũng vẫn phải xin cấp **Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP**.

## VII. VỀ KIỂM TRA HÀNG KHI NHẬP KHẨU

**VII.1. Kiến nghị:**

- 1) Vấn đề kiểm tra từng lô hàng NK: Theo quy định hiện hành, từng lô hàng NK lại phải kiểm tra, trong đó, đối với sản phẩm động vật hoặc có chứa sản phẩm động vật còn chịu 2 loại kiểm tra là kiểm dịch thú y (Bộ NNPTNT quản lý) và kiểm tra ATTP. Quy định này quá phức tạp, gây tốn kém không cần thiết cho DN.

Trong khi chưa sửa Luật ATTP, căn cứ yêu cầu của NQ 19 về áp dụng quản lý rủi ro, chế độ DN ưu tiên trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá nhập khẩu, **đề nghị bổ sung** vào khoản 2 (*Các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu*) Điều 14 NĐ 38 nội dung sau:

g) *Miễn kiểm tra đối với sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí: đã công bố hợp quy, do người có lịch sử tuân thủ tốt pháp luật ATTP nhập khẩu, mặt hàng quen thuộc, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu không có các dấu hiệu, thông tin về rủi ro ATTP. Việc kiểm tra được thực hiện tại khâu lưu thông.*

h) *Miễn kiểm tra hoặc không kiểm tra tại khâu thông quan, thực hiện kiểm tra tại khâu lưu thông đối với sản phẩm, hàng hoá chế biến sâu, bao gói công nghiệp*

- 2) Đề nghị bãi bỏ quy định kiểm 100% lô hàng, thay vào đó là triệt để áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro theo NQ19 và thông lệ quốc tế nhằm kiểm tra theo tỷ lệ % dựa trên lịch sử đảm bảo ATTP, các giấy Chứng thư/kiểm dịch kèm lô hàng, xuất xứ nguồn gốc ...
- 3) Làm rõ khoản 3 điều 14 Nghị định 38: Các lô hàng nhập khẩu chỉ phải kiểm tra chất lượng 1 lần bởi một bộ chủ quản duy nhất. Nếu có 1 sản phẩm trong cả lô hàng là TP tươi sống thì cả lô hàng chỉ chịu sự kiểm tra nhà nước bởi Bộ NNPTNT.
- 4) Quy định rõ về cấp xác nhận kiểm tra giảm: trong vòng 3 ngày cơ quan quản lý phải xác nhận, nếu không cấp phải nêu rõ lý do và cơ sở pháp lý của lý do đó. Nếu quá **3 ngày** cơ quan quản lý không trả lời, cơ quan hải quan chấp thuận cho doanh nghiệp được miễn kiểm tra

## VII.2. Lý do:

- Theo ND 38, từng lô hàng thực phẩm khi nhập khẩu đều phải kiểm tra chất lượng. Đối với sản phẩm động vật hoặc có chứa sản phẩm động vật còn chịu thêm kiểm dịch thú y (Bộ NNPTNT quản lý theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016), gây tốn kém không cần thiết cho DN, mặc dù khoản 3 điều 14 Nghị định 38 đã quy định các mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý của 2 bộ trở lên thì Bộ y tế kiểm tra chất lượng, riêng trường hợp nếu có thực phẩm tươi sống thì do Bộ NNPTNT kiểm tra chất lượng.
- Thông tư 52/2015 đã quy định về việc kiểm tra giảm chỉ cần 2 lô liên tiếp đạt chất lượng và sau 3 ngày có trả lời, nhưng thực tế thủ tục để DN xin kiểm tra giảm cũng không hề dễ dàng, nhiều khi phải mất hàng tháng mới được xác nhận.

## VIII. Về CHẾ ĐỘ KIỂM TRA TẠI NGUỒN

Bổ sung vào Điều 15 quy định với nội dung: “*Áp dụng chế độ kiểm tra tại nguồn, tại gốc (kiểm tra các giai đoạn nuôi trồng, chế biến tại nước sản xuất, nước xuất khẩu). Chế độ này áp dụng cho những DN có nhu cầu và trả chi phí cho việc kiểm tra.*”

### *Kính thưa Quý Lãnh đạo các đơn vị,*

Trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO và đang hội nhập quốc tế, các chính sách của Việt Nam đang nỗ lực có nhiều cải cách và để không tạo ra sự khác biệt, đặc biệt là với các nước mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Hệ thống quản lý và văn bản pháp quy của Việt Nam cần căn cứ vào Luật, vào thông lệ quốc tế, vào điều kiện thực tế và công nhận lẫn nhau với các nước tiên tiến.

Hiệp hội VASEP xin liệt kê lại các nội dung kiến nghị cần sửa đổi tại Nghị định 38/2012 như sau:

- 1) **Bãi bỏ** quy định cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP và chuyển sang hình thức chứng nhận hợp chuẩn theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật tại các tổ chức được chỉ định bởi các cơ quan có thẩm quyền (*đã có 37 tổ chức được chỉ định trên cả nước: Bộ Y tế: 13 tổ chức; Nông nghiệp và PTNT: 24 tổ chức*) do hình thức Công bố phù hợp quy định ATTP không có quy định trong Luật ATTP và thực hiện thời gian 4 năm qua cho thấy sự bất cập, vướng mắc như tính chất của một “*Giấy phép con*”.
- 2) Cần thực hiện đúng theo các quy định/hướng dẫn là không nên xây dựng quá nhiều QCVN riêng của Việt Nam (cho sản phẩm thực phẩm) vì ý tưởng này không phù hợp và

không giống với quốc tế. Bộ KH-CN đã nêu rõ việc xây dựng QCVN nên cho nhóm sản phẩm hoặc nhóm chỉ tiêu chung để áp dụng cho các loại thực phẩm. Không nước nào trên thế giới định xây dựng QCVN cho từng sản phẩm thực phẩm như ở Việt Nam, mà chỉ chọn vài nhóm sản phẩm quan trọng và ảnh hưởng đến sức khỏe nhiều nhất, ví dụ như sữa cho trẻ nhỏ, và các sản phẩm đặc thù của quốc gia họ (nhằm tạo lợi thế cạnh tranh) để lập quy chuẩn.

Việt Nam nên ban hành các QCVN theo **tiêu chuẩn CODEX** thay vì phải xây dựng các QCVN riêng, tốn nhiều thời gian và ngân sách quốc gia cho việc xây dựng các bộ QCVN này và đôi khi lại là rào cản kỹ thuật hạn chế sự phát triển DN

- 3) Trong khi chưa sửa được Luật ATTP, dựa trên quan điểm quản lý rủi ro trong NQ 19/2017, đề nghị: **Bổ thực hiện công bố hợp quy** với các sản phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn đối với tất cả những nước mà hiện tại Việt Nam đã ký kết FTA và/hoặc đã có những sự công nhận các giấy Chứng nhận (Kiểm Dịch Thực Vật (Phytosanitary Certificate) hoặc Chứng thư ATTP (Health Certificate)). Ít nhất, chúng ta nên áp dụng cho các nước có mức độ ATTP rất cao như EU, Mỹ, Úc, New Zealand, Canada và Nhật bản. Với cách thức này, DN hay nhà NK sẽ có trách nhiệm thông báo đến Cơ Quan nhà nước liên quan và nộp các chứng từ nhập khẩu kèm theo, ghi nhãn phụ hàng hóa để nhận dạng sản phẩm và tự chịu trách nhiệm về nội dung ghi nhãn. Đây là cách mà các nước EU đang quản lý tương tự cho hàng thực phẩm nhập khẩu từ Việt Nam.
- 4) **Đơn giản hóa thủ tục** xét cấp giấy tiếp nhận hợp quy cho đúng với Luật QC&TCKT: Thời gian cấp Thông báo tiếp nhận công bố tối đa **3 ngày làm việc**. Vì đây bản chất chỉ là thủ tục thông báo tiếp nhận công bố chứ không phải là thủ tục đăng ký như việc thực hiện thời gian qua (Hiện tại, các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công bố hợp quy thuộc ngành khác như Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Xây dựng,... đều đang thực hiện hình thức này, và làm rất đơn giản, nhanh chóng chứ không phức tạp và khó khăn như Bộ Y tế). Hồ sơ phải theo đúng Luật QC&TCKT về các mục, biểu mẫu, phải bãi bỏ các yêu cầu ngoài Luật.
- 5) Quy định rõ: “trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và cơ sở pháp lý của lý do đó” để tránh cán bộ những nhiều doanh nghiệp khi đưa ra những yêu cầu bổ sung vô lý.
- 6) Không phải công bố hợp quy/chứng nhận hợp chuẩn với các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì nhập khẩu dùng cho sản xuất nội bộ của doanh nghiệp, không bán ra thị trường.
- 7) Không phải làm công bố lại khi có những thay đổi nhỏ cho sản phẩm mà không ảnh hưởng đến chất lượng như hạn dùng, chất liệu bao gói, hay thay đổi nhà nhập khẩu hoặc thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm (đã được sự đồng ý của cơ sở sản xuất).
- 8) **Bãi bỏ yêu cầu DN** phải tự gửi mẫu đi kiểm nghiệm định kỳ, và sửa đổi như sau:
  - *Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đã công bố, và có kế hoạch kiểm soát chất lượng phù hợp.*
  - *Các sản phẩm nhập khẩu đã có phiếu kiểm nghiệm của nhà sản xuất và kiểm tra nhà nước tại Việt Nam cho các lô hàng nhập khẩu được phép dùng các kết quả này trong kế hoạch kiểm soát chất lượng.*

- 9) Miễn kiểm tra nhập khẩu đối với một số sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí:
- 10) Đề nghị bãi bỏ quy định kiểm 100% lô hàng, thay vào đó là triệt để áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro theo NQ19 và thông lệ quốc tế nhằm kiểm tra theo tỷ lệ % dựa trên lịch sử đảm bảo ATTP, các giấy Chứng thư/kiểm dịch kèm lô hàng, xuất xứ nguồn gốc ...
- 11) Các lô hàng nhập khẩu chỉ phải kiểm tra chất lượng 1 lần bởi một bộ chủ quản duy nhất. Nếu có 1 sản phẩm trong cả lô hàng là TP tươi sống thì cả lô hàng chỉ chịu sự kiểm tra nhà nước bởi Bộ NNPTNT.
- 12) Bổ yêu cầu hợp thức hóa lãnh sự.

Để hỗ trợ các DN kịp thời giảm bớt các khó khăn, tạo môi trường thông thoáng và thuận lợi cho kinh doanh chế biến thực phẩm, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, Hiệp hội VASEP trân trọng đề nghị Chính phủ, Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính và các Bộ có liên quan sớm xem xét nhằm tháo gỡ các vướng mắc nêu trên khi sửa đổi, bổ sung Nghị định 38/2012/NĐ-CP.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT HH;
- VPĐD HH;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ  
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM  
TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI**



**Trương Đình Hòa**

## **Các ví dụ về xin Giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy mất 3 tháng hoặc lâu hơn** (tính từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ)

### **I. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

Thời gian để xin cấp giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy dài hơn nhiều so với quy định do các thủ tục xét duyệt phức tạp và không rõ ràng, mặc dù sản phẩm đã được kiểm nghiệm và xác nhận đạt chất lượng theo quy chuẩn:

NĐ 38 quy định giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy được cấp trong 7 ngày, nhưng từ 2 năm trở lại đây, nhiều sản phẩm thời gian để được cấp giấy tiếp nhận chứng nhận hợp quy mất 3 tháng hoặc lâu hơn nữa kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ, và phải trải qua nhiều lần bổ sung hồ sơ, mỗi lần thường yêu cầu lại khác nhau. Các tiêu chí để thẩm xét công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm không rõ ràng, thậm chí vô lý, khiến việc hiểu và đáp ứng được yêu cầu của cán bộ thẩm xét rất khó khăn. (ví dụ đính kèm).

Cộng thêm thời gian kiểm nghiệm và xin chứng nhận hợp quy khoảng 2 tháng (vì sản phẩm phải được kiểm nghiệm và chứng nhận hợp quy, tức đạt chất lượng theo quy chuẩn, thì mới có hồ sơ để xin tiếp nhận chứng nhận hợp quy).

➔ **Tổng thời gian kiểm nghiệm và chứng nhận hợp quy + thời gian để cấp giấy tiếp nhận hợp quy của nhiều sản phẩm mất tới 5 tháng.**

**Thời gian để xin cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm còn dài hơn nhiều nữa:**

Đối với xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, vì NĐ 38 quy định thời gian trả lời là 30 ngày làm việc (=1,5 tháng), thời gian để được cấp giấy xác nhận kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ lâu hơn nhiều so với công bố hợp quy. Với 3 lần công văn bổ sung là đã mất khoảng 4 tháng.

Thông thường với các tập đoàn thực phẩm lớn của quốc tế, xin đăng ký các sản phẩm phải mất 3-4 tháng kể từ khi nộp đầy đủ hồ sơ (chưa tính thời gian kiểm nghiệm sản phẩm độ 2 tháng để xác nhận sản phẩm đạt chất lượng) mặc dù các sản phẩm được lưu hành trên khắp thế giới, hồ sơ đã chuẩn hóa quốc tế, và có một bộ phận am hiểu pháp luật chuyên đăng ký hồ sơ. Với các công ty thực phẩm của Việt nam, việc đăng ký hồ sơ còn khó khăn hơn nhiều vì không có bộ phận chuyên đăng ký am hiểu luật pháp, dẫn đến mất cơ hội kinh doanh, nếu không nhờ dịch vụ.

**Những thủ tục phức tạp này không giúp cải thiện an toàn vệ sinh thực phẩm:**

- Với các tổ chức, cá nhân kinh doanh nghiêm túc: họ đã áp dụng các biện pháp kiểm soát trong quy trình để đảm bảo chất lượng. Thủ tục này là giấy phép con, không cải thiện gì về chất lượng sản phẩm, chỉ làm mất thời gian và tốn kém của doanh nghiệp. Một sản phẩm sản xuất trong nước có thể phải công tới hàng chục giấy phép con, gồm giấy phép cho từng nguyên liệu + giấy phép bao bì + giấy phép thành phẩm.
- Với các tổ chức, cá nhân gian dối: vì họ tự gửi mẫu đi kiểm nghiệm nên hoàn toàn có thể lấy một mẫu sản xuất riêng đạt chất lượng để đi kiểm nghiệm rồi đăng ký; hoặc thậm chí lấy mẫu sản phẩm tốt của đơn vị khác dán nhãn của họ rồi đi đăng ký, hàng sản xuất thật chưa chắc đáp ứng yêu cầu chất lượng. Thủ tục này không giúp phát hiện hay quản lý được tình trạng này, vì chỉ quản lý trên giấy tờ.

- Các sự cố mất an toàn thực phẩm đại đa số là do thực phẩm chưa bao gói trong bữa ăn hàng ngày (năm 2016 chiếm 97,8%), các nguyên nhân khác chỉ có 2,2% (trong số đó thực phẩm bao gói sẵn cũng chỉ có một phần). Muốn khắc phục tình trạng thiếu ATTP thì phải tăng cường kiểm thực phẩm chưa bao gói, còn thực phẩm bao gói sẵn có rất ít nguy cơ thì chỉ nên hậu kiểm (kiểm nghiệm điều kiện sản xuất, chất lượng sản phẩm trên thị trường) đúng như chỉ đạo của Chính phủ, quản lý trên giấy tờ không giải quyết được, nhất là khi việc quản lý trên giấy tờ này lại trái Luật (như thủ tục cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP). Cơ quan quản lý phải làm gương cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ luật pháp.
- Một năm Cục ATTP cấp tới 35.000 giấy phép, nếu đơn giản hóa thủ tục sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và tiền bạc cho xã hội. Ví dụ, mỗi sản phẩm chỉ cần giảm thời gian xét duyệt đi ½ tháng thì đã tiết kiệm được 525.000 (hơn nửa triệu) ngày công lao động của cả nước trong 1 năm, chưa tính đến giảm được các chi phí chính thức và không chính thức liên quan đến các thủ tục không cần thiết này.

## II. VÍ DỤ THỰC TẾ:

### **Ví dụ 1: Xin giấy tiếp nhận hợp quy mất 4 tháng 4 ngày thay vì 7 ngày làm việc như quy định của Luật TC & QCKT:**

- DN nộp hồ sơ ngày 24/11/2016, Cục ATTP kiểm tra đầy đủ hồ sơ và tiếp nhận ngày 25/11/2016.
- Ngày 15/12 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 1. Ngày 22/12 DN nộp bổ sung.
- Ngày 13/1/2017 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 2. Ngày 2/2/2017 DN nộp bổ sung lần 2.
- Ngày 22/2/2017 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 3. Ngày 28/2/2017 DN nộp bổ sung lần 3.
- Ngày 28/3/2017, Cục cấp Giấy Tiếp nhận.

Doanh nghiệp mất tổng cộng **4 tháng 4 ngày** mới xin được tờ Giấy Tiếp nhận hợp quy, mặc dù sản phẩm đã có phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng theo quy chuẩn khi nộp hồ sơ.



Dịch vụ công trực tuyến x Hệ thống cấp giấy tiếp nhận x

← → ↻ congboanpham.vfa.gov.vn/

Xem lưỡng xử lý hồ sơ

Tổng số công 23 Trang 1/1 Dòng/Trang 1/00

STT	Ngày	Đơn vị	Người gửi	Đơn vị xử lý	Cán bộ xử lý	Trạng thái
1	24/11/2016 09:39					Mời nộp - chờ tiếp nhận hồ
2	25/11/2016 06:17					Đã tiếp nhận hồ sơ
3	05/12/2016 09:30					Đã được phân công xử lý
4	14/12/2016 21:47					Chuyên viên KL: SDBS
5	15/12/2016 14:20					Chuyên viên KL: SDBS
6	15/12/2016 17:16					Đã phê duyệt công văn yêu cầu SDBS
7	15/12/2016 17:19					Đã gửi công văn yêu cầu SDBS
8	22/12/2016 13:37					Đã tiếp nhận hồ sơ SDBS
9	26/12/2016 10:01					Chuyên viên KL: SDBS
10	28/12/2016 14:18					Chuyên viên KL: SDBS
11	13/01/2017 15:30					Đã phê duyệt công văn yêu cầu SDBS
12	13/01/2017 17:38					Đã gửi công văn yêu cầu SDBS
13	02/02/2017 09:48					Đã tiếp nhận hồ sơ SDBS
14	07/02/2017 10:06					Chuyên viên KL: SDBS
15	07/02/2017 16:11					Chuyên viên KL: SDBS
16	22/02/2017 15:10					Đã phê duyệt công văn yêu cầu SDBS
17	22/02/2017 16:29					Đã gửi công văn yêu cầu SDBS

**Ví dụ 2: Xin giấy tiếp nhận hợp quy mất 4 tháng 2 ngày thay vì 7 ngày làm việc như quy định của Luật TC & QCKT:**

- DN nộp hồ sơ ngày 23/12/2016, Cục ATTP kiểm tra đầy đủ hồ sơ và tiếp nhận ngày 23/12/2016, nhưng chưa cấp Giấy Tiếp nhận.
- Ngày 18/1/2017 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 1. Ngày 8/2/2017 DN nộp bổ sung.
- Ngày 7/3/2017 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 2. Ngày 8/3/2017 DN nộp bổ sung lần 2.
- Ngày 16/3/2017 Cục gửi công văn yêu cầu bổ sung lần 3. Ngày 22/3/2017 DN nộp bổ sung lần 3.
- Ngày 25/4/2017, Cục cấp Giấy Tiếp nhận.

Doanh nghiệp mất tổng cộng 4 tháng 2 ngày mới xin được tờ Giấy Tiếp nhận hợp quy, mặc dù sản phẩm đã có phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng theo quy chuẩn khi nộp hồ sơ.

The screenshot shows a web browser window with the URL 'congboisanpham.vfa.gov.vn'. The page title is 'Xem luồng xử lý hồ sơ'. Below the title, there are filters for 'Tổng số dòng' (26), 'Trang' (1/1), and 'Dòng/Trang' (1/00). The main content is a table with the following columns: STT, Ngày, Đơn vị, Người gửi, Đơn vị xử lý, Cán bộ xử lý, and Trạng thái. The table contains 18 rows of data, with the 14th row highlighted in blue.

STT	Ngày	Đơn vị	Người gửi	Đơn vị xử lý	Cán bộ xử lý	Trạng thái
1	23/12/2016 09:45					Mời nộp - chờ tiếp nhận hồ
2	23/12/2016 20:23					Đã tiếp nhận hồ sơ
3	28/12/2016 09:53					Đã được phản công xử lý
4	29/12/2016 10:00					Chuyên viên KL: SDBS
5	04/01/2017 15:23					Chuyên viên KL: SDBS
6	16/01/2017 08:48					Đã trả lại để thẩm định lại
7	16/01/2017 10:06					Chuyên viên KL: SDBS
8	16/01/2017 14:57					Chuyên viên KL: SDBS
9	17/01/2017 10:52					Đã phê duyệt công văn yêu cầu SDBS
10	18/01/2017 17:18					Đã gửi công văn yêu cầu SDBS
11	08/02/2017 10:36					Đã tiếp nhận hồ sơ SDBS
12	17/02/2017 09:25					Đã thẩm định hồ sơ
13	22/02/2017 14:10					Chuyên viên KL: SDBS
14	07/03/2017 15:05					<b>Đã phê duyệt công văn yêu cầu SDBS</b>
15	07/03/2017 16:25					Đã gửi công văn yêu cầu SDBS
16	08/03/2017 09:49					Đã tiếp nhận hồ sơ SDBS
17	15/03/2017 16:17					Chuyên viên KL: SDBS
18	15/03/2017 16:25					Chuyên viên KL: SDBS